

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12/05/2026

Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Bà Quách Thị Thu Hương

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – An Giang: Không tham gia.

Trong ngày 12 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2026/QĐXX-TA ngày 15 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Danh Thị Út T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lý Út N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

à T, ông N đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/02/2026 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Danh Thị Út T trình bày:

Tôi và ông Lý Út N tự tìm hiểu yêu thương nhau cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2004 có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, trong thời gian đầu tương đối hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, chúng tôi đã ly thân từ năm 2024 cho

đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa, nên tôi yêu cầu ly hôn với ông Lý Út N.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung tên: Lý Hên, sinh ngày 07/01/2005 (giới tính nam); Lý Tiểu L, sinh ngày 15/03/2009. Cháu H đã khôn lớn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Đối với cháu Lý Tiểu L tôi đồng ý để anh N trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ chúng tôi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 20/03/2026 bị đơn ông Lý Út N có ý kiến trình bày:

Tôi thống nhất lời trình bày của vợ tôi bà Danh Thị Út T về quá trình hôn nhân giữa tôi với bà chúng tôi sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, chúng tôi có 02 con chung 1/Lý Hên, sinh ngày 07/01/2005 (giới tính 2/Lý T, sinh ngày 15/03/2009 tính Cháu H đã khôn lớn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Đối với cháu Lý Tiểu L tôi đồng ý nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ chúng tôi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền*: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Danh Thị Út T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với bị đơn ông Lý Út N. Đây là tranh chấp việc ly hôn, nuôi con chung, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bà T và ông N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông N là đúng quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về hôn nhân*: Ông Lý Út N và bà Danh Thị Út T tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên về mặt pháp lý ông N và bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lý Út N và bà Danh Thị Út T theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng ông N và bà T có với nhau 02 người con chung: Lý Hên, sinh ngày 07/01/2005 giới tính Lý Tiểu L, sinh ngày 15/03/2009 tính Cháu H đã khôn lớn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Đối với cháu Lý Tiểu L tại phiên hòa giải ông N và bà T thống nhất thỏa thuận giao cháu L cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con, nghĩ nên giao cháu L cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Lý Tiểu L.

[5]. *Về tài sản chung, nợ*: Ông N, bà T xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn*: Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Danh Thị Út T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 301613 ngày 24/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà T không phải nộp thêm. Ông N không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Lý Út N với bà Danh Thị Út T là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Vợ chồng ông N và bà T có với nhau 02 người con chung Lý H, sinh ngày 07/01/2005 giới tính Lý Tiểu L, sinh ngày 15/03/2009 tính Cháu Lý H, sinh ngày 07/01/2005 đã khôn lớn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Lý Tiểu L, sinh ngày 15/03/2009 tính cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng bà T không cấp dưỡng nuôi con, do ông N không yêu cầu nên miễn xét.

Bà T có quyền lui tới thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ*: Ông N, bà T xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Danh Thị Út T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 301613 ngày 24/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà T không phải nộp thêm. Ông N không phải nộp án phí.

Báo cho đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận niêm yết) bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 6
- Phòng Thi hành án DS Khu vực 6;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn L1

